

PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH BẮC KẠN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

HOÀNG VIỆT ANH*
PHÍ HÙNG CƯỜNG

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn lực tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, các nguồn lực kinh tế, xã hội đã và đang là những vấn đề quan trọng có ý nghĩa bức thiết ở Việt Nam nói chung và ở từng khu vực lãnh thổ của nước ta nói riêng, đây là vấn đề đã nhiều năm nay được sự quan tâm sâu sắc của Nhà nước, của các cấp chính quyền từ TW đến địa phương cũng như của các nhà khoa học trong các lĩnh vực tự nhiên, xã hội. Điều này càng có ý nghĩa quan trọng hơn khi chúng ta đang trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để có thể đạt được mục tiêu quan trọng này đối với từng vùng lãnh thổ cần có những nghiên cứu, đánh giá cụ thể tiềm năng thực tế mỗi vùng, nghiên cứu làm rõ được những thế mạnh, những mặt hạn chế cho phát triển và trên cơ sở đó có được những bước đi cụ thể, các kế hoạch phát triển các ngành sản xuất, kinh tế phù hợp và cho mục tiêu cuối cùng là phát triển kinh tế - xã hội vùng một cách bền vững.

Kể từ khi tái lập tỉnh (1997) đến nay, kinh tế xã hội của tỉnh Bắc Kạn đã có những bước phát triển và đạt được những tiến bộ quan trọng. Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khác nhau mà nền kinh tế xã hội Bắc Kạn vẫn ở một trình độ thấp so với mặt bằng chung của cả nước. Cuộc sống của một bộ phận dân cư đặc biệt là các dân tộc ít người còn gặp nhiều khó khăn. Việc phát triển kinh tế xã hội để đưa Bắc Kạn ra khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu, nâng cao đời sống của người dân là một nhiệm vụ quan trọng với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Kạn.

II. NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH BẮC KẠN

1. Vị trí địa lý

Bắc Kạn là một tỉnh miền núi, nằm sâu trong nội địa vùng Đông Bắc Việt Nam, với hệ toạ độ địa lý: từ $21^{\circ}48'22''$ đến $22^{\circ}44'17''$ vĩ độ Bắc và từ $105^{\circ}25'08''$ đến $106^{\circ}14'47''$ kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng, phía Nam giáp tỉnh Thái Nguyên, phía Đông giáp tỉnh Lạng Sơn, phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang. Với vị trí địa lý như vậy, Bắc Kạn có khả năng giao lưu với các tỉnh bạn, tạo điều kiện hỗ trợ cho nhau trong quá trình phát triển kinh tế, trao đổi hàng hóa. Từ Trung Quốc đến Bắc Kạn qua các cửa khẩu biên giới thuộc hai tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng, đây là thị trường lớn gần Bắc Kạn. Như vậy, Bắc Kạn có những điều kiện nhất định để phát triển kinh tế mở với các vùng trong và ngoài nước. Bắc Kạn còn có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng, do đó đã là căn cứ địa cách mạng trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc.

2. Tài nguyên thiên nhiên

Bắc Kạn là một tỉnh miền núi có địa hình cao so với các tỉnh xung quanh. Với nguồn lực về đất đai, sự phân hóa khí hậu theo đai cao, tạo điều kiện cho tỉnh có nhiều sản phẩm nông - lâm sản của một vùng có khí hậu mang tính cận nhiệt đới và ôn đới. Các nguồn lực đó cũng tạo điều kiện cho việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sớm hình thành các vùng nguyên liệu để chế biến thành những hàng hóa đặc sản trên thị trường. Quỹ đất có thể sử dụng vào mục đích nông - lâm nghiệp còn tương đối nhiều. Đây là điều kiện để Bắc Kạn mở rộng diện tích trồng cây ăn quả, cây công

* Hoàng Việt Anh. Ths., Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên;
Phí Hùng Cường. TS., Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên.

ng nghiệp, chăn nuôi gia súc, xây dựng các khu công nghiệp, các nhà máy, xí nghiệp... góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu ngành nói riêng.

Bắc Kạn có nguồn tài nguyên rừng và khoáng sản phong phú. Năm 2009 diện tích đất lâm nghiệp có rừng là 333.059 ha, chiếm 68,4% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó rừng tự nhiên là 224.030 ha, chiếm 83,5% diện tích đất lâm nghiệp (năm 1997: 95%), rừng trồng là 44.135 ha chiếm 16,5%. Về khoáng sản có 167 mỏ thuộc 14 loại khoáng sản khác nhau như chì, kẽm, vàng, vật liệu xây dựng.... Đây là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp khai khoáng, chế biến nông lâm sản. Nguồn tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng là cơ sở để hoà vào mạng lưới du lịch vùng Bắc Bộ và Đông Bắc. Nổi bật là hồ Ba Bể, ATK (an toàn khu) Chợ Đồn, Phủ Thông, Đèo Giàng...

3. Nguồn lực kinh tế - xã hội

Dân số năm 2009 của Bắc Kạn là: 295.296 người, nữ chiếm 49,6%, nam chiếm 50,4% tổng dân số. Số người trong độ tuổi lao động chiếm 67,8% tổng dân số cao gấp 2 lần số người ngoài độ tuổi lao động (32,1%). Vì vậy để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế cần phải tận dụng tối đa lợi thế này. Qua các năm cơ cấu theo giới tính của tỉnh có sự thay đổi nhưng không đáng kể. Trình độ lao động không ngừng được nâng cao. Hiện nay tỉnh đang có chính sách đào tạo lao động kỹ thuật trẻ trong trồng trọt, chăn nuôi, thu hút lực lượng kỹ sư trẻ. So với một số tỉnh miền núi phía Bắc, điều kiện giao thông của Bắc Kạn có thuận lợi hơn. Giao thông đường bộ tương đối phát triển: quốc lộ 3, quốc lộ 279 và các tuyến đường giao thông nội tỉnh được cải tạo, nâng cấp, mở mới. Đến nay đã có 105/112 xã có đường ô tô đến trung tâm xã. Hệ thống điện và mức độ điện khí hóa tương đối phát triển, đủ khả năng cung cấp điện cho sự phát triển kinh tế. Tuy còn rất nhiều khó khăn nhưng sau 10 năm tách tỉnh đến nay Bắc Kạn đã đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bình quân hàng năm đạt 9,8%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ

trọng nông nghiệp trong GDP, tạo đà cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN MỘT SỐ NGÀNH VÀ LĨNH VỰC KINH TẾ CƠ BẢN

1. Hiện trạng phát triển các lĩnh vực kinh tế

a) Ngành nông - lâm - thủy sản

Đây là ngành giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của tỉnh. Nhìn chung, nông nghiệp và nông thôn Bắc Kạn trong những năm qua đã có những chuyển biến tích cực, sản lượng lương thực tăng nhanh và cơ bản đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ. Cơ cấu kinh tế trồng trọt, chăn nuôi và khai thác, dịch vụ nông - lâm - thủy sản đang từng bước chuyển đổi tích cực và sản xuất thêm nhiều mặt hàng, tạo thêm nhiều việc làm và nâng cao đời sống cho nhân dân. Tỷ trọng nông - lâm - thủy sản trong cơ cấu kinh tế của tỉnh giảm từ 58,24 % (2000) xuống còn 37,82 % (2008).

Tiềm năng phát triển nông - lâm nghiệp của tỉnh khá dồi dào. Diện tích đất rừng tự nhiên chiếm 68,41% diện tích đất tự nhiên của tỉnh, có thể khai thác nhiều sản phẩm từ rừng phục vụ cho công nghiệp chế biến lâm sản. Diện tích đất nông nghiệp chỉ chiếm 7,77% diện tích đất tự nhiên, nhưng chất lượng đất còn khá tốt. Nhiều nơi tầng đất dày, đất đồi núi có lượng mùn cao, đất bãi bồi thuận lợi cho trồng cây lương thực, hoa màu như: sắn, ngô, khoai, đậu... Bắc Kạn còn có tiềm năng phát triển một số loại cây công nghiệp như: chè tuyết, hồi, thông và một số cây ăn quả nổi tiếng như: lê, đào, hồng không hạt, cam, quýt... Hiện tại, nông - lâm nghiệp là ngành kinh tế chính đóng góp 40,95% GDP toàn tỉnh (2006) và 45% (2007), chiếm gần 76,4% lực lượng lao động, đó thực sự là nền tảng của công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa của tỉnh. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã có sự chuyển dịch cơ cấu ở ngành nông - lâm - thủy sản. Từ năm 1997 đến nay nhìn chung đều có sự thay đổi về tỷ trọng giá trị sản xuất nhưng không đáng kể. Trong đó, ngành nông nghiệp luôn có tỷ trọng lớn trong cơ cấu của khu vực I (luôn chiếm > 80%). Tỷ

trọng ngành lâm nghiệp có xu hướng giảm từ 19,02% năm 1997 xuống 13,59% năm 2006 và 12,90% năm 2008.

b) Ngành công nghiệp - xây dựng

- Công nghiệp

Hiện nay toàn tỉnh có 1.563 cơ sở sản xuất công nghiệp với số lao động là 6.073 người, và có khoảng 1.450 doanh nghiệp, hộ cá thể hoạt động về lĩnh vực công nghiệp. Sản xuất công nghiệp Bắc Kạn giai đoạn 1997-2005 có bước tăng trưởng khá, giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 29,03%/năm trong giai đoạn 1997-2000 và 28,86%/năm giai đoạn 2001-2005. Năm 2006 tăng 12,67% so với năm 2005, năm 2007 tăng 1,7% so năm 2006 và năm 2008 tăng trưởng âm (-8,39%). Công nghiệp Bắc Kạn giai đoạn 2006 - 2008 tăng trưởng chậm lại so với thời kỳ 1997-2000 và 2001-2005 là do một số doanh nghiệp có giá trị sản xuất lớn chưa tìm được đầu ra như công nghiệp xi măng, lắp ráp ô tô nên sản xuất cầm chừng, một số dự án dừng sản xuất, một số đưa vào khai thác chậm... đến nay, các ngành công nghiệp Bắc Kạn vẫn rất nhỏ bé.

Bắc Kạn đã xây dựng một khu công nghiệp để các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực tỉnh có tiềm năng đó là Khu công nghiệp Thanh Bình, và thực hiện các cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư. Trong cơ cấu ngành công nghiệp bao gồm: công nghiệp khai thác; công nghiệp chế biến; công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước. Năm 2008 ngành công nghiệp khai thác đạt giá trị sản xuất là 148.733 triệu đồng, đã có sự giảm sút so với năm 2007 (220.930 triệu đồng) và năm 2006 (194.290 triệu đồng). Trong khoảng 5 năm trở lại đây công nghiệp chế biến đang có xu hướng tăng dần tỷ trọng từ 34,5% năm 2005 lên 52,4 % năm 2008. Tỷ trọng của ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước mặc dù còn khá khiêm tốn nhưng cũng đang có xu hướng tăng dần lên: 4,1% năm 2005 lên 6,1% năm 2008. Trong khi đó công nghiệp khai thác đang có xu hướng giảm tỉ trọng, từ 61,4 % năm 2005 xuống 41,5 % năm 2008.

- Xây dựng

Giá trị sản xuất ngành xây dựng của Bắc Kạn trong những năm vừa qua tăng trưởng đều đặn cùng các dự án xây dựng hạ tầng kinh tế xã hội. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành xây dựng trong hơn 10 năm qua bình quân đạt 26,47%/năm. Giá trị sản xuất ngành xây dựng năm 2007 tính theo giá so sánh năm 1994 gấp 5,47 lần so với năm 2000 và gấp 10,47 lần so với năm 1997. Giá trị sản xuất của ngành xây dựng tăng đều qua các năm, năm 2003 là 191.536 triệu đồng, năm 2008 là 399.800 triệu đồng; và phần lớn giá trị sản xuất đều tập trung ở khu vực ngoài nhà nước. Năm 2008, giá trị sản xuất ngành xây dựng ở khu vực ngoài nhà nước chiếm đến 88,5%, khu vực nhà nước chỉ còn chiếm 11,5%. Tỷ trọng của ngành xây dựng trong ngành công nghiệp xây dựng khá cao, năm 2008 là 52,8%, trong tương lai ngành này sẽ phát triển hơn nữa bởi nhu cầu xây dựng trên địa bàn là rất lớn, đặc biệt là về cơ sở hạ tầng. Nhìn chung Bắc Kạn có điều kiện để phát triển ngành công nghiệp - xây dựng, tuy nhiên thực tế ngành này vẫn trong tình trạng phát triển chậm và không ổn định. Giá trị sản xuất của ngành công nghiệp khai thác còn cao trong cơ cấu ngành công nghiệp, do vậy không tạo được tích lũy và mở rộng sản xuất. Công nghệ sản xuất của ngành vẫn chưa đạt được trình độ cao, gây khó khăn trong việc nâng cao năng suất lao động, chủ yếu vẫn là lao động phổ thông.

c) Ngành dịch vụ

Năm 1997, khi bắt đầu tái lập tỉnh, GDP do khu vực dịch vụ tạo ra là 103 tỷ đồng theo giá hiện hành, chiếm 28,8% tổng GDP trên địa bàn, đến năm 2008 đạt 1.263.183 triệu đồng, chiếm 38,86% tổng GDP. Đây là những kết quả khả quan để Bắc Kạn có thể phát triển các ngành dịch vụ trong những năm tới, số liệu đến năm 2008, toàn tỉnh có 172.107 lao động đang hoạt động trong các ngành kinh tế trong đó số lao động đang hoạt động trong các ngành dịch vụ là 29.289 người, chiếm 17,01%. Tuy chiếm tỷ lệ không cao, nhưng phần lớn lao động trong ngành dịch vụ là lao động được đào tạo, có trình độ chuyên môn. Mặt khác xu thế lao động trong ngành dịch vụ

ngày càng tăng, song tốc độ tăng như những năm qua vẫn là rất chậm. Nhìn chung ngành dịch vụ của tỉnh Bắc Kạn phát triển còn mang tính tự phát là chủ yếu, chưa hình thành nên những ngành dịch vụ chủ chốt có tính chất quyết định cho sự phát triển như: dịch vụ tài chính ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ thương mại.. chủ yếu vẫn tập trung vào một số ngành dịch vụ có chất lượng và trình độ phục vụ thấp, sử dụng nhiều lao động chưa qua đào tạo như: thương nghiệp (chủ yếu là bán buôn, bán lẻ, vận tải thô sơ).

-Thương mại

Thương mại Bắc Kạn phát triển đa dạng cả về thành phần tham gia và chủng loại hàng hóa đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống xã hội, nhưng có sự phát triển không đồng bộ. Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 66 chợ lớn nhỏ, tập trung ở các đô thị, thị tứ, còn lại các làng bản kinh tế vẫn là tự cung, tự cấp... Bắc Kạn hiện có một siêu thị tại thị xã mới đi vào hoạt động kinh doanh trong năm 2007. Toàn tỉnh có trên 2.500 hộ kinh doanh dịch vụ buôn bán song quy mô nhỏ bé, thương nghiệp quốc doanh chưa nắm vai trò chủ đạo trên thị trường, hầu hết các đơn vị gặp khó khăn trong kinh doanh và chủ yếu là phục vụ các mặt hàng chính sách xã hội.

Kết quả hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của tỉnh không lớn, giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu không ổn định qua các năm. Kim ngạch xuất khẩu năm 2007 đạt 9,2 triệu USD, một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là quặng sắt (sơ chế), tinh quặng chì, kẽm, bột ô xít kẽm. Năm 2008 kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 3,2 triệu USD do công nghiệp khai thác sụt giảm so với những năm trước, những sản phẩm xuất khẩu mới không có, sản phẩm xuất khẩu chủ yếu năm 2008 là giấy đế, sản phẩm may và dũa sơ chế.

- Du lịch

Bắc Kạn là một trong những tỉnh có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch tự nhiên cũng như du lịch nhân văn. Trong thời gian qua ngành du lịch Bắc Kạn đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Lượng khách du lịch đến với Bắc Kạn đang tăng dần qua từng năm, năm 1997 chỉ có 16.827 lượt khách, đến năm 2008 đã tăng lên 119.400 lượt khách. Doanh thu của

ngành du lịch đã tăng lên nhanh chóng. Năm 2004 là 6.820 triệu đồng, năm 2006 là 15.200 triệu đồng, năm 2008 là 34.000 triệu đồng.

Tuy nhiên, với tiềm năng dồi dào du lịch được xác định là một trong ba thế mạnh để Bắc Kạn phát triển kinh tế. Những tiềm năng và thế mạnh đó đến nay vẫn chưa được tỉnh khai thác có hiệu quả để phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, thu nhập cho nhân dân địa phương. Nguyên nhân chủ yếu là do, công tác tuyên truyền, quảng bá còn hạn chế, đặc biệt là hạ tầng du lịch thấp kém không thu hút được khách. Hạ tầng du lịch trên địa bàn không đồng bộ, vừa yếu, vừa thiếu, dịch vụ phục vụ du khách còn đơn sơ, chưa có sản phẩm đặc thù, đội ngũ cán bộ làm du lịch chưa chuyên nghiệp, được đào tạo cơ bản còn ít. Theo thống kê, trên địa bàn tỉnh có 1.300 phòng nghỉ các loại, nhưng chỉ có một khách sạn với gần 90 phòng nghỉ đạt tiêu chuẩn ba sao. Tại Vườn quốc gia Ba Bể, đến nay mới có ba nhà nghỉ với sức chứa 130 du khách, điều kiện ăn uống, nghỉ ngơi chưa đáp ứng được nhu cầu, không có chỗ vui chơi giải trí, nên không tạo được dấu ấn. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho du khách chỉ lưu lại trong thời gian ngắn và không muốn quay trở lại lần thứ hai. Vì thế, năm 2009 có khoảng 150 nghìn khách du lịch đến Bắc Kạn, trong đó có khoảng 10% là khách du lịch quốc tế và doanh thu du lịch đạt khoảng 40 tỷ đồng.

2. Hiện trạng phát triển các lĩnh vực xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Hệ thống trường, lớp ở các ngành học, bậc học cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh. Năm học 2007-2008 toàn tỉnh có 112 trường mầm non, tỷ lệ huy động các cháu vào nhà trẻ đạt 26,35%, các cháu vào mẫu giáo đạt 89,51%. Toàn tỉnh có 218 trường phổ thông trong đó có 01 trường THPT dân lập, tỷ lệ huy động vào lớp 1 đạt 99,8%, vào lớp 6 đạt 94,7%, vào lớp 10 các hệ công lập, dân lập và bổ túc đạt 90%. Số học sinh đạt học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia ngày càng cao, từ năm 2005 đến nay toàn tỉnh có 727 học sinh đạt giải cấp tỉnh và 32 học sinh đạt giải quốc gia. Học sinh thi đỗ

vào đại học, cao đẳng năm sau cao hơn năm trước, từ 2005 đến nay đã có 1.424 học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng. Tính đến hết năm học 2007 - 2008 ngành giáo dục có 3.452 phòng học trong đó được xây dựng kiên cố 1.022 phòng chiếm 29,6%, phòng học cấp 4 là 1.554 phòng chiếm 45,1%, phòng học tạm còn 876 phòng chiếm 25,3%. Bắc Kạn đã có tổng số 25 trường ở các cấp học đạt chuẩn quốc gia. Hiện nay tỉnh có 02 trung tâm giáo dục thường xuyên (duy nhất huyện Ba Bể có trung tâm giáo dục thường xuyên ngoài trung tâm của tỉnh, tuy nhiên cơ sở vật chất còn rất thiếu), 01 trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, 01 trung tâm giáo dục trẻ em thiệt thòi. Chính nhờ sự đa dạng hóa các loại hình giáo dục trên địa bàn do đó về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu học tập của cộng đồng. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong ngành giáo dục cơ bản đủ số lượng, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Năm 2007 toàn ngành có 5.832 biên chế, trong đó có 5.351 giáo viên các cấp, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo ở cấp học mầm non là 97,2%, tiểu học 99,0%, trung học cơ sở 98,3%, trung học phổ thông 96,8% và gần 25,4% giáo viên các cấp có trình độ trên chuẩn.

b) Về đào tạo

Hệ thống các cơ sở đào tạo của tỉnh Bắc Kạn còn thiếu về số lượng và chưa đạt được chất lượng theo nhu cầu của xã hội. Toàn tỉnh mới có 01 trường Cao đẳng sư phạm với quy mô trên 1000 sinh viên, lĩnh vực chủ yếu là đào tạo giáo viên sư phạm, liên kết đào tạo trình độ đại học như: Nông lâm, sư phạm... Ngoài ra hệ thống các trường trung cấp nghề còn thiếu cả về cơ sở vật chất và ngành nghề đào tạo do đó không đáp ứng được nhu cầu phát triển nguồn nhân lực tại chỗ của tỉnh. Hiện nay tỉnh mới có 02 trường trung cấp nghề (01 trường do trung ương quản lý, 01 trường do địa phương quản lý) và 07 trung tâm dạy nghề và chủ yếu là đào tạo nghề ngắn hạn.

c) Công tác lao động - việc làm - xóa đói giảm nghèo

Số lao động được tạo việc làm bằng các chương trình phát triển kinh tế xã hội tại Bắc Kạn tăng lên qua các năm góp phần giảm nhanh tỷ lệ đói nghèo trên địa bàn toàn tỉnh,

hàng năm tỷ lệ giảm nghèo khoảng 6%. Các vấn đề xã hội còn nhiều nổi cộm: tệ nạn xã hội chưa được giải quyết triệt để, nhất là số đối tượng nghiện ma túy tăng cao chưa được kiểm chế. Tổng số lao động trong độ tuổi lao động năm 2007 là 200.460 người chiếm 65,5% dân số; Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị năm 2007 là 3,68% (năm 2000 là 4,55%) và tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn đạt 81,86% (năm 2000 là 72,63%). Năm 2000 số lao động được giải quyết việc làm là 3.264 người, đến năm 2003 số người được tạo việc làm tăng lên 3.500 người, năm 2005 là 5.753 người và năm 2007 là 5.817 người.

Theo số liệu của Chi cục thống kê tỉnh Bắc Kạn, công tác cho vay giải quyết việc làm trong 3 năm 2005-2007 tổng số vốn cho vay đạt trên 38 tỷ đồng tạo việc làm và thu hút được trên 4.200 lao động. Trong những năm qua công tác xóa đói giảm nghèo đã đạt được nhiều kết quả bằng các chương trình phát triển kinh tế xã hội, chương trình 134, 135, 186, chương trình giảm nghèo... tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 50,87% năm 2005 xuống còn 34,43% năm 2007 và dự kiến đến 2010 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 20% (tỷ lệ hộ nghèo giảm phù hợp với mục tiêu của Chính phủ giảm tỷ lệ hộ nghèo của vùng Đông Bắc xuống còn khoảng 18%, vùng Tây Bắc là 24%, mục tiêu thiên niên kỷ của Chính phủ giảm tỷ lệ hộ nghèo của cả nước từ 22% năm 2005 xuống còn 10-11% vào năm 2010).

Một số khó khăn và thách thức đối với công tác giảm nghèo của tỉnh: Tỷ lệ hộ nghèo của Bắc Kạn còn cao so với mặt bằng chung của cả nước (cả nước hiện nay khoảng 14%). Hiện nay Bắc Kạn còn 71 xã, 79 thôn đặc biệt khó khăn trong đó 68 xã nghèo trên 35% và số xã nghèo có tỷ lệ trên 50% chiếm khoảng 25% số xã nghèo. Đầu tư cho kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống xã hội trong những năm qua là đáng kể song chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của công tác xóa đói giảm nghèo nhanh của tỉnh. Chất lượng lao động còn thấp, lao động đã qua đào tạo ngắn hạn và dài hạn chưa cao nhất là lao động trong khu vực nông lâm nghiệp. Tập quán sản xuất và nhận thức của người dân còn thấp ảnh hưởng đến khả năng tự

tạo việc làm tiến tới xóa đói giảm nghèo cho chính bản thân.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỈNH BẮC KẠN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA HIỆN ĐẠI

1. Giải pháp về vốn đầu tư

Trong điều kiện của tỉnh Bắc Kạn thu trên địa bàn chưa đủ chi thường xuyên thì vốn đầu tư phát triển trở thành vấn đề đặc biệt quan tâm để có một giải pháp cụ thể phù hợp. Đối với vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cần phải phân định rõ thành phần vốn của nhà nước, của nhân dân đóng góp. Đối với vốn đầu tư phát triển các ngành sản xuất cần có chính sách đẩy mạnh hơn quá trình tích lũy tập trung các nguồn vốn vào các ngành mũi nhọn và các khu vực trọng điểm. Như vậy, phương châm là huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn để tạo ra sức bật cho nền kinh tế toàn tỉnh.

2. Phát triển nguồn nhân lực

Nhìn chung nguồn nhân lực của Bắc Kạn rất dồi dào nhưng còn yếu kém về trình độ kiến thức, tay nghề. Do vậy, để đáp ứng quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho sự phát triển kinh tế xã hội thì Bắc Kạn cần phải có những biện pháp đào tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng lao động theo hướng:

- Nâng cao dân trí và trình độ học vấn cho toàn bộ số dân trong tỉnh bằng các hình thức thông tin đại chúng, văn hóa, thông tin tuyên truyền;

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, mở trường dạy nghề, nâng cấp chất lượng các cấp học, phát triển các loại hình đào tạo liên kết;

- Phát triển các ngành dịch vụ để giải quyết việc làm cho người lao động, dạy nghề cho con em đồng bào dân tộc nhằm mục đích sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ;

- Ưu tiên đào tạo cán bộ là người dân tộc, tạo điều kiện tiếp xúc với khoa học công nghệ qua các lớp tập huấn.

3. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào mọi lĩnh vực sản xuất và các khâu quản lý;

- Từng bước đồng bộ hóa công nghệ tiên tiến vào những ngành công nghiệp tạo sản phẩm mũi nhọn xuất khẩu như: chè, hồi, tinh dầu, vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản;

- Ứng dụng công nghệ sinh học vào quá trình chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, canh tác trên đất dốc. Phát triển mô hình, nông - lâm kết hợp để tăng hiệu quả sử dụng, bảo vệ đất và bảo vệ môi trường;

- Duy trì cảnh quan tự nhiên nhằm giữ cân bằng sinh thái chuẩn bị các nguồn lực để đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

4. Đổi mới cơ chế quản lý

Cần thực hiện triệt để việc cải cách hành chính, sắp xếp lại bộ máy quản lý của tỉnh sao cho gọn nhẹ và điều hành có hiệu lực, phù hợp với cơ chế quản lý mới. Phát huy hiệu quả của trung tâm giáo dục thường xuyên và trường chính trị để tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức của tỉnh, đảm bảo yêu cầu về số lượng và chất lượng có trình độ lý luận chính trị, quản lý nhà nước và trình độ chuyên môn cao.

KẾT LUẬN

Là một tỉnh nghèo với nền kinh tế có điểm xuất phát thấp, Bắc Kạn đã từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bắc Kạn đã đạt được những kết quả bước đầu đáng phấn khởi: cơ sở vật chất được tăng cường, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, trong cơ cấu nền kinh tế hiện nay, nông nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế Bắc Kạn. Để phản ánh đúng điều kiện và khả năng, tương xứng với sự đầu tư và các lợi thế của địa phương, Bắc Kạn cần có nhiều giải pháp hơn nữa để chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát huy những nguồn lực sẵn có của mình để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân một cách bền vững./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Cục Thống kê Bắc Kạn: “Số liệu thống kê chủ yếu 5 năm (1997 -2001) xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn”; Bắc Kạn, 11/2002.

[2]. Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Các vấn đề môi trường và phát triển bền vững vùng Đông Bắc”; Viện NC Môi trường và Phát triển bền vững - Khoa KHTN&XH; Thái Nguyên 10/2007...